

Các yếu tố quyết định số thu thuế ở quốc gia có thu nhập trung bình

BÙI THỊ MAI HOÀI

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM - maihoai@ueh.edu.vn

NGUYỄN THANH HÙNG

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM - thanhhung@gmail.com

Ngày nhận:

30/08/2015

Ngày nhận lại:

18/01/2016

Ngày duyệt đăng:

25/01/2016

Mã số:

0815-H71-V05

Tóm tắt

Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của các yếu tố kinh tế, cấu trúc, thể chế và xã hội đến số thu thuế ở các quốc gia có thu nhập trung bình. Tác giả sử dụng dữ liệu của 50 quốc gia có thu nhập trung bình trong giai đoạn 2000–2013 và ước lượng bằng phương pháp GMM sai phân. Kết quả ước lượng phát hiện trình độ phát triển của quốc gia, độ mở thương mại, chỉ số về quyền chính trị có tác động tích cực đến số thu thuế, trong khi giá trị gia tăng của khu vực nông nghiệp và chỉ số về quyền tự do dân chủ lại có tác động tiêu cực. Kết quả này có ý nghĩa đối với việc thiết kế chính sách tài khóa ở các quốc gia có thu nhập trung bình.

Abstract

Từ khóa:

Dữ liệu bảng, GMM sai phân, số thu thuế, nước thu nhập trung bình.

Keywords:

Panel data, differenced GMM, tax revenue, middle-income countries.

Using a panel of 50 middle-income countries over the 2000–2013 period, this paper seeks to measure the impact of economic, structural, institutional, and social factors on their tax revenue. The estimated results, based on differenced GMM technique, suggest that levels of development, trade openness, and political right positively affect the tax revenue, whereas higher levels of agriculture share and democratic freedom are found to have negative effects. These findings are accordingly significant to the formulation of fiscal policy in middle-income economies.

1. Giới thiệu

Thuế là nguồn thu chiếm tỉ trọng cao trong tổng thu ngân sách ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là những nước có thu nhập trung bình. Việc xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến số thu thuế là chủ đề được nhiều nghiên cứu đề cập trong hơn 10 năm qua. Các nghiên cứu được tiến hành rất đa dạng với nhiều phương pháp, một số sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian (Azka Amin & cộng sự, 2014; Sử Đình Thành & cộng sự, 2015) và hầu hết sử dụng dữ liệu bảng (Martín-Mayoral & Uribe, 2010; Gupta, 2007; Castro & Ramírez, 2014). Các tác giả này tập trung chủ yếu ở các quốc gia OECD và Mỹ Latinh bởi dữ liệu cho các khu vực này khá đầy đủ. Tuy nhiên, hạn chế của những nghiên cứu này là mẫu bao gồm nhiều quốc gia trong những khu vực có trình độ phát triển khá chênh lệch. Do đó, kết quả phân tích tác động của các yếu tố đến số thu thuế chưa thực sự rõ ràng và đồng nhất.

Để xem xét tác động của độ mở thương mại và các biến số thể chế, nghiên cứu của Bird và Martinez-Vazquez (2008) thực hiện cho 110 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 1990–1999 tìm thấy độ mở thương mại không có tác động đáng kể đến số thu thuế. Trong khi đó, Gupta (2007) thực hiện cho 105 quốc gia đang phát triển trong thời gian 25 năm chỉ ra quy mô nền kinh tế, độ mở thương mại, viện trợ nước ngoài và ổn định về chính trị có tác động tích cực đến số thu thuế. Dioda (2012) lập luận GDP bình quân đầu người (đại diện cho trình độ phát triển) và độ mở thương mại có tác động tích cực đến số thu thuế; ngoài ra, nghiên cứu này còn cho thấy khi chính trị ổn định, quyền tự do dân chủ được bảo vệ tốt hơn có liên quan đến số thu thuế cao hơn; nhưng chỉ số về quyền chính trị không có ý nghĩa thống kê, điều này trái ngược với phát hiện của Profeta và Scabrosetti (2010): Chỉ số quyền chính trị có tác động tích cực tới số thu thuế.

Gần đây nhất, Castro và Ramírez (2014) nghiên cứu về các yếu tố quyết định đến số thu thuế ở 34 quốc gia thành viên OECD giai đoạn 2000–2011. Ngoài việc phân tích tác động của các yếu tố quyết định tới số thu thuế bằng cách sử dụng dữ liệu bảng không cân bằng với 273 quan sát khả dụng trong các ước lượng, nghiên cứu này còn có bước đột phá trong việc làm tăng sự tương đồng giữa các quốc gia trong mẫu bằng cách chia các quốc gia trong mẫu tổng thể thành hai nhóm gồm nhóm các nước có thu nhập cao và nhóm có thu nhập trung bình để tiến hành ước lượng và đối chiếu kết quả. Mặc dù điều này đã từng được thực hiện trong nghiên cứu của Gupta (2007), nhưng sau khủng hoảng kinh tế thế giới bắt đầu từ cuối năm 2007 thì tình hình kinh tế - xã hội đã có nhiều thay đổi. Ngoài ra, nghiên cứu của Castro và Ramírez (2014) phân tích thêm tác động

của biến thể phụ thuộc, đây là điều mà các nghiên cứu trước đây chưa thực hiện. Tuy nhiên, việc chia mẫu tổng thể thành hai mẫu phụ đã làm giảm đi đáng kể số quan sát trong ước lượng bảng, số quan sát trong các mẫu phụ lúc này chỉ còn hơn 100 quan sát, điều này có thể ảnh hưởng đáng kể đến các kết quả của nghiên cứu. Tabachnick và Fidell (1996) đã đưa ra những chỉ dẫn về kích cỡ mẫu trong nghiên cứu: Mẫu nghiên cứu với 50 quan sát là rất nghèo nàn, 100 quan sát là nghèo, 200 quan sát là trung bình, 300 quan sát là tốt, 500 quan sát là rất tốt và trên 1.000 quan sát là lí tưởng.

Bài viết này được thực hiện nhằm phân tích tác động của các yếu tố kinh tế, cấu trúc, xã hội và thể chế chính trị đến số thu thuế ở 50 quốc gia có thu nhập trung bình giai đoạn 2000–2013.

2. Tổng quan lí thuyết

2.1. Các yếu tố quyết định đến số thu thuế

Số thu thuế bị ảnh hưởng bởi khả năng và nỗ lực thu thuế. Khả năng thu thuế được ước lượng qua mối quan hệ giữa số thu thuế và GDP (tỉ lệ % trên GDP). Nỗ lực thu thuế được thể hiện qua việc tận dụng tốt nhất cơ sở thuế của quốc gia (Lotz & Morss, 1970). Theo đó, số thu thuế bị chi phối bởi các yếu tố: Kinh tế, cấu trúc, thể chế và xã hội (Castro & Ramírez, 2014). Các yếu tố này được mô tả qua các biến chủ yếu sau:

Trình độ phát triển kinh tế: Nhân tố này thường được đo lường bằng GDP bình quân đầu người. GDP bình quân đầu người càng cao dẫn đến nhu cầu càng cao về hàng hóa, dịch vụ nói chung và hàng hóa dịch vụ công nói riêng; ngoài ra, GDP bình quân đầu người cao làm tăng khả năng nộp thuế của xã hội. Từ đó, số thuế thu được sẽ tăng (Fox & Gurley, 2005).

Độ mở thương mại: Nhân tố này thể hiện qua tổng giá trị xuất nhập khẩu so với GDP. Đây cũng là một nhân tố quan trọng, bởi vì thuế đánh vào thương mại quốc tế là một trong những nguồn thu chiếm tỉ trọng cao ở các quốc gia đang phát triển và các quốc gia có thu nhập trung bình. Nó có thể có tác động tích cực, bởi khi thương mại được mở rộng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế gia tăng nên có thể thu thuế được nhiều hơn. Nhưng trái lại, khi mở cửa nền kinh tế thì thuế suất nhập khẩu có chiều hướng giảm dần và việc dỡ bỏ hoặc hạn chế sử dụng các rào cản thương mại lại gây ra tác động tiêu cực đến việc thu thuế (Baunsgaard & Keen, 2010).

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Các quốc gia có thể tạo ra các ưu đãi về thuế nhằm thu hút các dòng vốn đầu tư nước ngoài (Cassou, 1997; Martín-Mayoral & Uribe, 2010) nên biến số này có thể có tác động tiêu cực. Nhưng ở góc nhìn khác, nhân tố này có thể có tác động tích cực, bởi dòng vốn FDI làm tăng năng lực cạnh tranh quốc gia và gia tăng cơ sở thuế (Gugler & Brunner, 2007).

Các yếu tố vĩ mô như tỉ giá hối đoái, kiểm soát lạm phát, tỉ lệ nợ công và chính sách tài khoá cũng ảnh hưởng đến số thu thuế (Tanzi, 1989; Terra & Hudson, 2004).

Giá trị gia tăng khu vực nông nghiệp (ARG): Nhân tố này có tác động tiêu cực đáng kể đến số thu thuế, bởi vì các hoạt động kinh tế trong khu vực này khó đánh thuế hơn, đặc biệt ở các nước có thu nhập trung bình, sản xuất thường được tổ chức theo quy mô nhỏ nên rất khó quản lí và kiểm soát (Gupta, 2007; Castro & Ramírez, 2014).

Giá trị gia tăng khu vực công nghiệp (IND) có thể tác động tích cực đến số thu thuế vì thuế đánh vào các công ty công nghiệp thường dễ dàng hơn và năng lực sản xuất của những công ty này có thể tạo ra thu nhập chịu thuế lớn hơn rất nhiều so với nông nghiệp (Eltony, 2002).

Mức độ dân chủ và quyền tự do của công dân: Nhân tố này thường được đo lường qua chỉ số về quyền chính trị và chỉ số về quyền tự do dân chủ. Ở các quốc gia có mức độ dân chủ và tự do cao thì người nộp thuế trở nên có thiện chí với các vấn đề liên quan đến thuế hơn, hay nói cách khác là người dân sẽ tự nguyện tuân thủ thuế và ít trốn thuế hơn. Từ đó, số thuế thu được sẽ cao hơn (Castro & Ramírez, 2014). Tuy vậy, mở rộng quyền tự do dân chủ cần được gắn liền với việc nâng cao trình độ dân trí và ý thức cộng đồng của người dân.

Trình độ dân trí: Quốc gia có trình độ dân trí cao có nguồn nhân lực chất lượng, chuyên môn kĩ thuật chuyên sâu hơn, phương pháp sản xuất tinh vi hơn nên làm tăng hiệu quả sản xuất và có thể gia tăng số thu thuế. Hơn nữa, hệ thống giáo dục được củng cố tập trung vào phúc lợi xã hội, dẫn đến người dân có ý thức cao hơn về lợi ích của những loại thuế. Do đó, trình độ dân trí có tác động tích cực đến số thu thuế (Castro & Ramírez, 2014).

Tuổi thọ của dân số: Nhân tố này một mặt có tác động tích cực đến số thu thuế, bởi chúng có liên quan đến trình độ phát triển và an sinh xã hội. Hơn nữa, những người được hưởng mức an sinh xã hội cao hơn và tiếp cận nhiều hơn với các dịch vụ y tế có khả năng nâng cao năng suất của họ và gia tăng các hoạt động kinh tế (Castro & Ramírez, 2014). Mặt khác, biến số tuổi thọ cũng có thể có ảnh hưởng bất lợi đến số thu thuế, bởi

vì khi dân số có độ tuổi trung bình cao, tỉ lệ người nghỉ hưu cao hơn, do đó tỉ lệ dân số nộp thuế sẽ thấp hơn (Svejnar, 2002).

Tỉ lệ trẻ sơ sinh tử vong: Đối với những quốc gia có thu nhập cao, trình độ phát triển cao thường tỉ lệ trẻ sơ sinh tử vong thấp. Như vậy, tỉ lệ trẻ sơ sinh tử vong có quan hệ nghịch chiều với số thu thuế.

2.2. *Tổng quan về các nghiên cứu trước đây*

Amin và cộng sự (2014) nghiên cứu tác động của các yếu tố đến số thu thuế ở Pakistan giai đoạn 1980–2010. Kết quả cho thấy tham nhũng, bất ổn chính trị, độ mở thương mại, thu nhập thực bình quân đầu người và lạm phát được xem là các yếu tố chính quyết định đến số thu thuế. Các loại thuế dù là thuế trực thu hay gián thu đều chịu ảnh hưởng của tham nhũng, bất ổn chính trị và lạm phát. Thu nhập bình quân đầu người tăng làm tăng số thu thuế. Nghiên cứu cũng phát hiện tham nhũng là rào cản lớn trong việc nâng cao số thu thuế. Sử Đình Thành và cộng sự (2015) đánh giá khả năng thu thuế của VN trong giai đoạn 1988–2013 và cho thấy khả năng thu thuế của hệ thống thuế VN vẫn do những yếu tố kinh tế quyết định. Mức thu nhập cao hơn, độ mở thương mại rộng hơn và tỉ trọng nông nghiệp trên GDP thấp hơn có thể dẫn tới khả năng thu và tổng thu thuế cao hơn.

Piancastelli (2001) dựa trên dữ liệu của 75 quốc gia phát triển và đang phát triển trong giai đoạn 1985–1995 chỉ ra GDP bình quân đầu người, tỉ trọng công nghiệp trên GDP và độ mở thương mại là các yếu tố quan trọng quyết định số thu thuế. Tỉ trọng nông nghiệp trên GDP có tác động tiêu cực. Gupta (2007) thực hiện cho 105 quốc gia đang phát triển trong khoảng thời gian 25 năm, các biến có tác động tích cực và đáng kể với số thu thuế bao gồm: Quy mô nền kinh tế được phản ánh bởi GDP bình quân đầu người, kim ngạch thương mại, viện trợ nước ngoài và các chỉ số về ổn định chính trị, kinh tế. Mặt khác, tác giả này kết luận tỉ trọng nông nghiệp trên GDP và chỉ số cảm nhận tham nhũng có ảnh hưởng tiêu cực đáng kể tới số thu thuế. Tác giả đã chia mẫu tổng thể thành ba mẫu nhỏ tương ứng với ba mức thu nhập khác nhau, kết quả cho thấy viện trợ nước ngoài có tác động tích cực đáng kể tới số thu thuế ở các quốc gia có thu nhập thấp nhưng không có ý nghĩa ở các nước thu nhập trung bình và thu nhập cao. Ngoài ra, nghiên cứu còn tìm thấy tác động tiêu cực mạnh mẽ giữa số thu thuế và tham nhũng ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình. Ổn định về chính trị chỉ có tác động tiêu cực tới số thu thuế ở các nước thu nhập cao, trong khi ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình thì tác động này là tích cực.

Bird, Martínez - Vázquez và Torgler (2008) phân tích dữ liệu và xác định các yếu tố tác động đến số thu thuế với mẫu gồm 110 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 1990–1999. Họ tìm thấy GDP bình quân đầu người có tác động tích cực với số thu thuế, nhưng độ mở thương mại lại không có tác động đáng kể. Tỷ lệ tăng trưởng dân số và tỷ trọng nông nghiệp so với GDP tăng đi kèm với mức thu thuế thấp hơn. Chỉ số về các quyền tự do công dân và quyền chính trị, chính trị ổn định, quy định của pháp luật và tham nhũng có tác động tích cực đáng kể tới số thu thuế. Ngoài ra, các tác giả cũng kết luận các quốc gia có thể chế tốt hơn và hiệu quả hơn sẽ làm cho mức thu thuế cao hơn. Các kết luận này cũng góp phần củng cố tính mạnh mẽ trong kết quả nghiên cứu trước đó của Gupta (2007). Profeta và Scabrosetti (2010) phân tích các yếu tố quyết định đến số thu thuế của 39 quốc gia trong giai đoạn 1990–2004, mẫu nghiên cứu bao gồm 11 nước thuộc châu Á, 19 nước Mỹ Latinh và 9 nước thành viên EU. Nghiên cứu tìm thấy GDP bình quân đầu người và tỷ lệ nợ trên GDP không có ý nghĩa trong việc quyết định số thu thuế ở các nền kinh tế khu vực châu Á, nhưng lại có tác động tích cực đáng kể ở các nước thuộc khu vực Mỹ Latinh. Tỷ trọng nông nghiệp trên GDP ảnh hưởng tiêu cực tới số thu thuế ở Mỹ Latinh nhưng không có ý nghĩa ở châu Á, độ mở của nền kinh tế có tác động tích cực đến số thu thuế ở châu Á và châu Âu, nhưng tiêu cực ở Mỹ Latinh. Các chỉ số về quyền dân chủ, quyền tự do công dân và quyền chính trị càng cao thì càng làm gia tăng hiệu quả của hệ thống thuế. Từ các nghiên cứu này có thể thấy kết quả còn phụ thuộc rất nhiều vào phạm vi thu thập dữ liệu, các kết quả sẽ thuyết phục hơn khi các quốc gia trong mẫu có sự tương đồng về vị trí địa lý hay mức thu nhập.

Dioda (2012) sử dụng dữ liệu bảng cho 32 quốc gia thuộc khu vực Mỹ Latinh và Caribbean trong khoảng thời gian từ 1990–2009, đã đánh giá ý nghĩa thống kê của một số biến góp phần quyết định tới tỷ trọng số thu thuế trên tổng GDP. Các kết quả chỉ ra các biến có ảnh hưởng đáng kể đến số thuế thu được bao gồm: Quyền tự do công dân, số lao động nữ, cơ cấu dân số theo độ tuổi, sự ổn định về chính trị, trình độ giáo dục, mật độ dân số và quy mô của kinh tế ngầm. Tương tự, Castro và Ramírez (2014) sử dụng đồng thời kỹ thuật phân tích bảng tĩnh và bảng động để phân tích tác động của các yếu tố kinh tế, cấu trúc, thể chế và xã hội đến số thu thuế cho 34 quốc gia thành viên OECD trong khoảng thời gian từ năm 2001–2011. Các kết quả cho thấy GDP bình quân đầu người, khu vực công nghiệp và các quyền tự do công dân có tác động tích cực đến biến phụ thuộc là tỷ trọng thu thuế trên GDP. Trong khi, biến số đại diện cho khu vực nông nghiệp và tỷ trọng đầu tư trực tiếp nước ngoài liên quan đến hình thành tổng vốn cố định lại có tác động tiêu cực. Điểm đặc biệt trong nghiên cứu này mà các nghiên cứu

trước đây chưa đề cập đó là việc phân tích thêm tác động của biến phụ thuộc trễ và kết quả là biến này có tác động tích cực, điều này cũng đồng nghĩa với việc số thu thuế của năm trước cũng góp phần ảnh hưởng đến số thu của năm hiện tại. Tuy vậy, hạn chế của nghiên cứu này là số quan sát không đủ lớn khi chia mẫu quan sát làm hai mẫu phụ.

Tóm lại, hầu hết các nghiên cứu cho thấy yếu tố kinh tế quan trọng nhất và có tác động mạnh đến số thu thuế. Trong đó, tốc độ tăng trưởng GDP và độ mở thương mại có tác động tích cực, nhưng tỉ trọng nông nghiệp trên GDP lại có tác động tiêu cực. Tác động của những yếu tố khác là chưa rõ ràng, kết quả vẫn còn phụ thuộc nhiều vào thời gian, khu vực và quy mô mẫu nghiên cứu.

3. Mô hình, dữ liệu và đo lường các biến

Một công cụ đơn giản để đánh giá khả năng thu thuế là dùng mô hình hồi quy với những biến giải thích đại diện cho các yếu tố phản ánh khả năng thu thuế (Le & cộng sự, 2008). Có hai điểm đáng chú ý trong các nghiên cứu trước đây: (i) Ý nghĩa của các biến tác động đến số thu thuế chưa thực sự rõ ràng, bởi các nghiên cứu được tiến hành cho các quốc gia, khu vực khác nhau và giai đoạn phân tích cũng khác nhau; và (ii) Kết quả sẽ khả quan hơn khi các quốc gia trong mẫu có sự tương đồng về vị trí địa lý hay mức thu nhập. Do đó, dựa vào nghiên cứu của Castro và Ramírez (2014), nhóm tác giả áp dụng các phương pháp ước lượng để đánh giá tác động của các yếu tố kinh tế, cấu trúc, xã hội và thể chế đến số thu thuế của 50 quốc gia có thu nhập trung bình trong khoảng thời gian từ năm 2000–2013. Mô hình dữ liệu bảng hiệu ứng cố định (Fixed Effects) có dạng như sau:

$$TAXREV_{it} = \alpha_{it} + \gamma_t + \beta_1 GDP_{it} + \beta_2 TRADE_{it} + \beta_3 FDI_{it} + \beta_4 ARG_{it} + \beta_5 IND_{it} + \beta_6 POLRIG_{it} + \beta_7 CIVIB_{it} + \beta_8 SCHTER_{it} + \beta_9 LIFEEXP_{it} + \beta_{10} INFMOR_{it} + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

Phương trình (1) có thể chuyển thành mô hình động:

$$TAXREV_{it} = \alpha_{it} + \gamma_t + \beta_0 TAXREV_{it-1,2} + \beta_1 GDP_{it} + \beta_2 TRADE_{it} + \beta_3 FDI_{it} + \beta_4 ARG_{it} + \beta_5 IND_{it} + \beta_6 POLRIG_{it} + \beta_7 CIVIB_{it} + \beta_8 SCHTER_{it} + \beta_9 LIFEEXP_{it} + \beta_{10} INFMOR_{it} + \varepsilon_{it} \quad (2)$$

Trong đó, $i=1, 2, 3 \dots N$ và $t=1,2,3 \dots T$ (N và T lần lượt là số các quốc gia và khoảng thời gian quan sát trong mô hình); $E(\gamma/\varepsilon) = 0$ và $\varepsilon \approx i.id \ (\mu, \delta)$.

TAXREV: Biến phụ thuộc - đại diện cho số thu thuế, được đo bằng tỉ lệ (%) của tổng số thuế thu được trong năm so với GDP;

GDP: Đại diện cho trình độ phát triển của quốc gia, được đo bằng Log của GDP bình quân đầu người, với GDP tính theo giá cố định USD năm 2005;

TRADE: Độ mở thương mại, được đo lường bằng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu so với GDP;

FDI: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, được đo bằng tỉ lệ % dòng vốn FDI ròng thu hút được so với GDP;

ARG: Tỉ trọng giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp; và, *IND*: Tỉ trọng giá trị gia tăng của ngành công nghiệp, các chỉ tiêu này được thu thập từ thống kê WDI qua các năm;

POLRIG: Chỉ số quyền chính trị thể hiện mức độ dân chủ của một quốc gia, và *CIVLIB*: Chỉ số về quyền tự do công dân như quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp và tự do tín ngưỡng. Hai biến này được đo lường theo thang điểm từ 1 đến 7 (1 tương ứng với mức độ cao nhất và 7 là mức thấp nhất) được thu thập từ cơ sở dữ liệu (Freedom House, 2013);

SCHTER: Trình độ dân trí, được đo bằng tỉ lệ tuyển sinh đại học;

LIFEEXP: Tuổi thọ bình quân theo thống kê WDI qua các năm;

INFMOR: Tỉ lệ trẻ sơ sinh tử vong, được đo lường bằng số trẻ em dưới 1 tuổi tử vong trên 1.000 trẻ được sinh ra.

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ Ngân hàng Thế giới - World Developing Indicators, WDI (2015), OECD (2015) và Freedom House (2013). Bảng 1 mô tả thống kê về các biến được sử dụng trong phương trình (1).

Bảng 1

Mô tả thống kê các biến trong mô hình

Biến	Nguồn	Số quan sát	Giá trị trung bình	Phương sai	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
TAXREV	WDI, OECD	671	19,473	6,287	7,033	39,660
GDP	WDI	699	7,702	,866	5,593	9,372
TRADE	WDI	696	88,845	36,548	18,040	220,407
FDI	WDI	695	4,837	6,010	-16,154	53,811
ARG	WDI	692	13,463	8,365	2,0323	45,166

Biến	Nguồn	Số quan sát	Giá trị trung bình	Phương sai	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
IND	WDI	692	32,560	10,295	14,380	72,123
POLRIG	Freedom House	700	3,794	1,949	1,000	7,000
CIVLIB	Freedom House	700	3,674	1,401	1,000	7,000
SCHTER	WDI	595	31,385	19,356	0,864	92,895
LIFEEXP	WDI	694	68,885	7,043	45,205	79,846
INFMOR	WDI	700	29,873	22,696	3,700	128,300

4. Kiểm định và kết quả nghiên cứu

Đầu tiên, mô hình được ước lượng bằng phương pháp hiệu ứng cố định (FEM) và kiểm định Hausman (Baltagi, 2008; Gujarati & Porter, 2008) với giả thiết H_0 là không có tương quan giữa sai số đặc trưng của các đối tượng với các biến giải thích trong mô hình. Kết quả kiểm định FEM và kiểm định Hausman được trình bày ở cột 1, 2 Bảng 2. Kiểm định Hausman cho thấy giá trị $p\text{-value} = 0,029 < 5\%$ nên giả thuyết H_0 bị bác bỏ. Nghĩa là không có sự tương quan giữa sai số và các biến giải thích hay ước lượng tác động cố định là phù hợp hơn so với ước lượng tác động ngẫu nhiên. Tuy nhiên, kiểm định Wald cho thấy $p = 0,000$, nghĩa là mô hình có hiện tượng phương sai thay đổi (Heteroskedasticity). Hơn nữa, dữ liệu bảng sử dụng trong nghiên cứu có thời gian tương đối ngắn ($T=13$) và không gian tương đối lớn ($N=50$) nên có thể xảy hiện tượng tự tương quan. Vì vậy, ước lượng GMM sai phân (DGMM) (Arellano & Bond, 1991) được đề xuất bởi Holtz - Eakin, Newey & Rosen (1988) được sử dụng để ước lượng mô hình động (2). Trong mô hình này, thu thuế kì trước có tác động đến số thu thuế kì sau.

Kết quả ước lượng mô hình động bằng GMM sai phân được trình bày ở cột 3, 4 của Bảng 2. Theo đó, GDP bình quân đầu người có tác động tích cực đến nguồn thu thuế của một quốc gia với mức ý nghĩa 5% ($p = 0,036$); kết quả này phù hợp với kì vọng ban đầu và cũng phù hợp với các nghiên cứu trước. Biến số đại diện cho độ mở của nền kinh tế là tổng kim ngạch thương mại (TRADE) có tác động tích cực với mức ý nghĩa 5% ($p = 0,036$). Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu của Piancastelli (2001); Gupta (2007); Profeta và Scabrosetti (2010); Dioda (2012), nhưng lại trái ngược với nghiên

cứu của Bird và Martinez-Vazquez (2008). Thực tế, hoạt động thương mại quốc tế của các quốc gia có thu nhập trung bình mang lại nguồn lợi cao cho các nền kinh tế này, chủ yếu thông qua xuất khẩu hàng hóa. Độ mở thương mại làm giảm các rào cản, thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, từ đó gia tăng sản xuất và tạo thêm nguồn thu cho ngân sách. Tỉ trọng nông nghiệp trong tổng thu nhập quốc nội (ARG) có tác động tiêu cực với mức ý nghĩa 5% ($p=0,021$), kết quả này cũng khá phù hợp với kì vọng ban đầu và phù hợp với hầu hết các nghiên cứu trước đây. Có thể lí giải cho điều này qua thực tế là, các hoạt động kinh tế trong khu vực này khó đánh thuế hơn, đặc biệt ở các nước có thu nhập trung bình, sản xuất thường được tổ chức theo quy mô nhỏ nên rất khó quản lí và kiểm soát (Gupta, 2007; Castro & Ramírez, 2014). Bên cạnh đó, nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế không thể thiếu trong phần lớn các quốc gia có thu nhập trung bình và chính phủ các nước luôn dành những ưu tiên cao để phát triển nông nghiệp nhằm bảo đảm an ninh lương thực, họ đã đưa ra nhiều chính sách khuyến khích nông nghiệp như giảm thuế dẫn đến số thu thuế từ nông nghiệp giảm. Hệ số của biến tỉ trọng công nghiệp (IND) không có ý nghĩa thống kê, kết quả này trái ngược với kì vọng ban đầu, trái ngược với nghiên cứu của Bird và Martinez-Vazquez (2008) nhưng phù hợp với một số nghiên cứu trước đây (Piancastelli, 2001; Gupta, 2007; Profeta & Scabrosetti, 2010; Dioda, 2012).

Một số nghiên cứu trước đây phát hiện việc kết hợp giữa tăng chi trợ cấp cho giáo dục và tăng thuế suất thuế thu nhập sẽ làm gia tăng phúc lợi xã hội, hoàn thiện hệ thống giáo dục và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế, đồng thời cũng giúp duy trì số thu thuế đủ cho chính phủ trang trải những chi phí (Gomme, 2005; Ludwig & Krueger, 2013). Khi trình độ giáo dục được cải thiện sẽ góp phần nâng thu nhập của cá nhân nói riêng và xã hội nói chung; từ đó làm gia tăng số thu thuế cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, tác động của biến đại diện cho trình độ giáo dục chưa phải là yếu tố quyết định đến số thu thuế. Biến số đại diện cho quyền chính trị (POLRIG) có tác động tích cực ở mức ý nghĩa 10%, điều này cũng phù hợp với tình hình thực tế của các nước thu nhập trung bình, nơi mà khung thể chế đang từng bước được hoàn thiện, công tác quản lí hành thu ngày càng chặt chẽ hơn. Tác động của biến số đại diện cho các quyền tự do công dân (CIVLIB) là tiêu cực đáng kể ở mức ý nghĩa 5%. Điều này hàm ý khi các quyền tự do dân chủ chưa được thể hiện đầy đủ hoặc/và trình độ dân trí còn thấp thì sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến số thu thuế. Tác động của các biến số tuổi thọ và tỉ lệ trẻ sơ sinh tử vong không có ý nghĩa thống kê. Như kì vọng, biến trễ phụ thuộc TAXREV(-1) có tác động tích cực đáng kể đến số thu

thuế ở mức ý nghĩa 5% ($p = 0,05$). Điều này có nghĩa số thu thuế của năm liền kề trước đó có tác động theo chiều hướng tích cực đến số thu thuế của năm hiện tại. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Gupta (2007), Castro và Ramírez (2014).

Ngoài ra, kết quả kiểm định AR(2) với giá trị p-value = 0,780 > mức ý nghĩa 5% nên giả thiết mô hình có hiện tượng tự tương quan ở sai phân bậc 1 bị bác bỏ. Kết quả kiểm định Sargan cho thấy giá trị p-value của thống kê Sargan bằng 0,327 lớn hơn mức ý nghĩa rất nhiều. Do đó, có thể kết luận các biến công cụ được sử dụng trong mô hình là phù hợp và không có hiện tượng nội sinh.

Bảng 2

Các kết quả ước lượng và kiểm định

Biến	FE		Dif – GMM	
	Coef	p-value	Coef	p-value
TAXREV(-1)			0,366	0,050**
TAXREV(-2)			- 0,121	0,549
GDP	4,857	0,000***	4,856	0,036**
TRADE	0,029	0,001***	0,052	0,036**
FDI	0,036	0,083**	0,014	0,791
ARG	- 0,208	0,000***	- 0,174	0,021**
IND	- 0,115	0,002***	0,011	0,829
POLRIG	0,181	0,345	1,201	0,071*
CIVLIB	-1,003	0,000***	-1,737	0,032**
SCHTER	-0,029	0,015	-0,116	0,136
LIFEEXP	-0,942	0,526	0,089	0,656
INFMOR	- 0,014	0,735	-0,000	0,995
Cons	-3,404	0,798		
Obs	576		423	
Heteroskedasticity test	0,000***			
Hausman test	0,029**			
AR(2) test			0,78	
Sargan test			0,327	

(*), (**) và (***) tương ứng với các mức ý nghĩa 10%, 5% và 1%.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

5.1. Kết luận

Bài nghiên cứu tìm hiểu tác động của các yếu tố quyết định đến số thu thuế của 50 quốc gia có thu nhập trung bình trong giai đoạn 2000–2013 được ước lượng bằng phương pháp GMM sai phân. Kết quả nghiên cứu cho thấy một quốc gia có GDP bình quân đầu người cao, độ mở thương mại lớn, quyền chính trị được đảm bảo sẽ có khả năng có được số thu thuế cao hơn. Trong khi đó, tỉ trọng nông nghiệp trong tổng thu nhập quốc nội cao lại có tác động tiêu cực đến số thu thuế. Kết quả này phù hợp với hầu hết các nghiên cứu trước đây (Piancastelli, 2001; Gupta, 2007; Profeta & Scabrosetti, 2010; Dioda, 2012). Tương đồng với kết quả nghiên cứu của (Gupta, 2007; Castro & Ramírez, 2014), nghiên cứu này cũng tìm thấy tác động tích cực của biến trễ phụ thuộc; theo đó, số thu thuế của năm liền kề trước đó góp phần quyết định số thu thuế của năm hiện tại. Ngoài ra, với ưu điểm là các quốc gia đưa vào mẫu khá tương đồng và số quan sát đủ lớn, nghiên cứu này có một phát hiện mới: Quyền tự do công dân được mở rộng có tác động tiêu cực đến số thu thuế ở các quốc gia thu nhập trung bình. Và kết quả này có vẻ rất phù hợp với thực trạng của các quốc gia thu nhập thấp, nơi mà trình độ dân trí thường là chưa cao. Việc mở rộng quyền tự do công dân chỉ thật sự có ý nghĩa khi đi đôi với nó là nâng cao trình độ dân trí.

5.2. Gợi ý chính sách

Kết quả thực nghiệm đưa đến những hàm ý chính sách thiết thực dành cho chính phủ các quốc gia có thu nhập trung bình. Theo đó, để có thể tăng số thu thuế một cách hiệu quả thì chính phủ các nước cần có những bước đi mang tính chiến lược và hướng tới hiệu quả trong dài hạn. Cụ thể là:

Thứ nhất, chính phủ các quốc gia thu nhập trung bình nên có những giải pháp để đảm bảo duy trì mức độ tăng trưởng kinh tế bền vững. Bên cạnh đó, chính sách độ mở thương mại cũng cần được quan tâm, bởi việc giao thương thuận lợi sẽ ảnh hưởng tích cực đến dòng chảy thương mại, ảnh hưởng đến số thu ngân sách của chính phủ. Chính phủ có thể thu được thuế thông qua hoạt động xuất nhập khẩu và đẩy mạnh tự do hóa thương mại nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, góp phần tăng trưởng kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng từ đó gián tiếp làm tăng số thu thuế. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tiềm lực nội tại của mình mà mỗi quốc gia nên cân nhắc mức độ độ mở thương mại, bởi tác động của việc độ mở thương mại tới nay vẫn chưa thực sự rõ ràng.

Thứ hai, biến số tỉ trọng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp có tác động tiêu cực đến số thu thuế. Điều này hàm ý các quốc gia có thu nhập trung bình nên đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp để gia tăng nguồn thu thuế. Mặc dù vậy, việc duy trì và phát triển nông nghiệp là công việc tất yếu phải làm. Bởi ngoài nghiên cứu này thì cũng đã từng có nghiên cứu cho thấy tỉ trọng nông nghiệp không có tác động tiêu cực đến số thu thuế (Profeta & Scabrosetti, 2010). Hơn thế nữa, duy trì hoạt động nông nghiệp còn đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Một đề xuất cho các quốc gia có thu nhập trung bình là phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao và tạo sự liên hệ giữa nông nghiệp với các ngành công nghiệp và dịch vụ nhằm góp phần gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp.

Thứ ba, biến số quyền chính trị có ảnh hưởng tích cực đến số thu thuế của các quốc gia có thu nhập trung bình. Do vậy, chính phủ các quốc gia có thu nhập trung bình nên đảm bảo sự ổn định của hệ thống chính trị, chú trọng cải cách thể chế, hoàn thiện khung pháp lý và công tác hành thu để có thể gia tăng nguồn thu thuế một cách hợp lý.

Thứ tư, biến số quyền tự do công dân có tác động tiêu cực đến nguồn thu thuế. Kết quả này hàm ý quyền tự do công dân được mở rộng cần phải được gắn liền với việc nâng cao trình độ dân trí và ý thức cộng đồng của người dân. Có như thế, mở rộng quyền tự do công dân mới có ý nghĩa đối với việc gia tăng nguồn thu.

Cuối cùng, kết quả ước lượng cho thấy số thu của năm liền kề trước đó có tác động tích cực rất đáng kể đến số thu thuế của năm hiện tại, nhưng trong dài hạn thì tác động lan toả sẽ giảm dần. Do đó, các quốc gia nên tập trung vào việc hoàn thiện hệ thống thuế của mình, giảm bớt các thủ tục phiền hà và quản lí việc thu thuế hiệu quả■

Tài liệu tham khảo

- Alexander, L., & Dirk, K. (2013). Optimal progressive taxation and education subsidies in a model of endogenous human capital formation. Munich Center for the Economics of Aging (MEA) at the Max Planck Institute for Social Law and Social Policy, *MEA Discussion Paper*, (67).
- Arellano, M., & Bond, S. (1991). Some tests of specification for panel data: Monte Carlo evidence and an application to employment equations. *The Review of Economic Studies*, 58(2), 277-297.
- Azka, A., Abdul, M. N., Sadia, P., Muhammad, A. K., & Sofia, A. (2014). Factors affecting tax collection in Pakistan: An empirical investigation. *Journal of Finance and Economics*, 2, 149-155.
- Baltagi, B. (2008). *Econometric analysis of panel data* (4 ed.).

- Baungsaard, T., & Keen, M. (2010). Tax revenue and (or?) trade liberalization. *Journal of Public Economics*, 94(9-10), 563-577.
- Bird, R. M. & Vazquez, J. M. (2008). Tax effort in developing countries and high income countries: the impact of corruption voice and accountability. *Economic Analysis and Policy*, 38(1), 55-71.
- Cassou, S. P. (1997). The link between tax rates and foreign direct investment. *Applied Economics* 29(10), 1295-1301.
- Castro, A., & Ramírez, D. (2014). Determinants of tax revenue in OECD countries over the period 2001-2011. *Contaduría y Administración: Revista Internacional*, 59(3), 35-60.
- Damodar, N. G., & Dawn, P. (2008). *Basic econometrics*, 5th Edition (4th ed.).
- Dhaneshwar, G. (1998). Tax revenue in Sub Saharan Africa: Effects of economic policies and corruption. *IMF Working Paper*, 98/135.
- Dioda, L. (2012). *Structural determinants of tax revenue in Latin America and the Caribbean, 1990-2009*. Economic Commission for Latin America and the Caribbean.
- Eltony, M. N. (2002). Measuring tax effort in Arab countries. Economic Research Forum for the Arab Countries, Iran and Turkey. *Working Paper Series 0229*.
- Freedom House. (2013). Retrieved from freedom in the world scores: <https://freedomhouse.org/report-types/freedom-world#.VRWF1nN80dA>
- Gomme, P. (2005). *Optimal taxation in an endogenous growth model with government supplied educational capital*. Research Center on Employment and Economic Fluctuations.
- Gugler, P., & Brunner, S. (2007). FDI effects on national competitiveness: A cluster approach. *International Advances in Economic Research*, 13(3), 268-284.
- Gupta, A. S. (2007). Determinants of tax revenue efforts in developing countries. *Working paper*, 07/184.
- Lotz, J. R., & Morss, E. (1970). A theory of tax level determinants for developing countries. *Economic Development and Cultural Change*, 18, 328-41.
- Mayoral, M., & Uribe, C. A. (2010). Determinantes económicos e institucionales del esfuerzo fiscal en América Latina. *Investigación Económica LXIX*, 85-113.
- Nickell, S. (1981). Biases in dynamic models with fixed effects. *Econometrica*, 49(6), 1417-1426.
- OECD. (2015). Retrieved from <http://stats.oecd.org/index.aspx?DataSetCode=REV>
- Pessino, C., & Fenochietto, R. (2010). Determining countries's tax effort. *Revista de Economia Publica*, 195, 61-68.
- Piancastelli, M. (2001). Measuring tax effort of developed and developing countries: cross country panel data analysis 1985-1995. Working paper 818. *Institute of Applied Economic Research*.
- Profeta, P., & Scabrosetti, S. (2010). *The political economy of taxation: Lessons for developing countries*. Edward Elgar Publishing Limited.

- Sử Đình Thành, Bùi Thành Trung & Trần Trung Kiên. (2015). Cải cách hệ thống thuế VN theo cam kết hội nhập quốc tế đến năm 2020. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 26(3), 02-26.
- Svejnar, J. (2002). Transition economies: Performance and challenges. *Journal of Economic Perspective*, 16(1) 3-28.
- Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (1996). *Using multivariate statistics (3rd ed)*. New York: HarperCollins.
- Tanzi, V. (1987). Quantitative characteristics of the tax systems of developing countries', in Newbery, D. M. G., & Stern, N. H. (eds). *The theory of taxation for developing countries*, New York: Oxford University Press.
- Tanzi, V. (1989). The impact of macroeconomic policies on level of taxation (and on the fiscal balance) in developing countries. *Working Paper 88/95*. International Monetary Fund, 36(3).
- Terra, J. M., & Hudson, J. (2004). Tax performance: A comparative study. *Journal of International Development*, 785-802.
- World Developing Indicators. (2015, January). Retrieved from http://databank.worldbank.org/data/download/archive/WDI_excel_2015_01.zip